

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày: 07-5-2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng P.

Địa chỉ: Số 25A, phố C, quận Đ, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn B - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P. (Theo văn bản ủy quyền số 2015/GUQ. NHPT- PC ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tổng giám đốc NHPT Việt Nam)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Mạnh H- Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P. Địa chỉ: Số 05, phố L, phường L, thành phố T, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền số 783/GUQ - NHPT.TBI ngày 18 tháng 12 năm 2020);
Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph.

Địa chỉ: Lô A1, Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường G, sinh năm 1981. Địa chỉ: 707 V3, V, H, H - Cán bộ Công ty (Theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 03 năm 2021); Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, đại diện nguyên đơn Ngân hàng P trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Ngày 04/6/2008, Chi nhánh Ngân hàng P (bên cho vay) và (bên vay) Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph (gọi tắt là Công ty Ph) đã ký kết Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT với nội dung như sau:

Bên cho vay đồng ý cho bên vay vay số tiền tối đa là: 53.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng tiền vay để đầu tư dự án theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư số 10/QĐ-ĐT ngày 30/5/2008 của Hội đồng thành viên Công ty Ph. Thời hạn cho vay: 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu đến khi trả hết nợ vay (gốc, lãi vay và phí); Thời hạn ân hạn: 12 tháng kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất: Lãi suất nợ trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn) áp dụng mức lãi suất cho từng lần giải ngân theo lãi suất tín dụng đầu tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc 78 tháng; Kỳ hạn trả nợ theo quý (mỗi quý là một kỳ hạn trả nợ); Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Sau 12 tháng kể từ khi giải ngân món vay đầu tiên; Mức trả nợ mỗi kỳ hạn là 2.038.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 2.050.000.000 đồng. Trả lãi: Bên vay phải trả lãi kể từ khi phát sinh dư nợ; Kỳ hạn trả lãi: Theo quý (mỗi quý là một kỳ hạn trả lãi). Kỳ hạn trả lãi đối với số lãi phát sinh trong thời gian ân hạn trả theo tháng (mỗi tháng là một kỳ hạn trả lãi).

Các bên còn ký kết phụ lục hợp đồng và các hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung sau:

- Hợp đồng điều chỉnh vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 18A/2009/HĐTDĐT-ĐC-TDĐT ngày 06/01/2009 với nội dung sửa đổi về lãi suất, phí như sau: Lãi suất nợ trong hạn: 8,4%/năm; Lãi suất phạt quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả): Bằng 150% lãi vay trong hạn.

- Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 18B/2009/PLHĐ-NHPT ngày 11/5/2009 với các nội dung về việc vay vốn được hỗ trợ lãi suất.

- Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 18B/2009/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 05/6/2009, nội dung sửa đổi về lãi suất cho vay như sau: Lãi suất nợ trong hạn đối

với số tiền vay đã giải ngân từ ngày 12/02/2009 trở về trước là 8,4%/năm, lãi suất phạt quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) bằng 150% lãi vay trong hạn; Lãi suất nợ trong hạn đối với số tiền vay đã giải ngân từ ngày 12/02/2009 trở về sau là 6,9%/năm, lãi suất phạt quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) bằng 150% lãi vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 18C/2011/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 26/12/2011, nội dung sửa đổi về chuyển nợ quá hạn và giải quyết tranh chấp như sau: Đến hạn trả nợ bên vay không thanh toán đủ các khoản nợ gốc, lãi đến kỳ hạn phải trả hoặc phải trả trước hạn theo yêu cầu thu hồi nợ trước hạn của bên cho vay thì số nợ phải trả nhưng chưa trả bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với số nợ gốc và nợ lãi quá hạn kể từ ngày đến hạn trả nhưng bên vay không trả. Khi bên vay có khoản nợ bị thu hồi trước hạn thì tất cả các khoản nợ khác của bên vay tại bên cho vay chưa đến hạn trả cũng được coi là đến hạn phải trả. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu một bên phát hiện bên kia vi phạm hợp đồng thì thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này hoặc liên quan đến hợp đồng này được các bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở bình đẳng, thiện chí. Trường hợp các bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nơi bên cho vay đặt trụ sở.

- Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 18D/2012/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 29/6/2012, nội dung sửa đổi, bổ sung về trả nợ gốc, quyền của bên cho vay, nghĩa vụ của bên vay và mua bảo hiểm tài sản như sau: Thời hạn trả nợ gốc: 78 tháng; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên; Kỳ hạn trả nợ: Theo quý (mỗi quý là một kỳ hạn trả nợ); Mức trả nợ gốc trong mỗi kỳ hạn: Từ quý I/2010 đến quý II/2012 trả: 8.152.000.000 đồng; Từ quý III/2012 đến quý IV/2012 trả: 750.000.000 đồng/kỳ; Từ quý I/2013 đến quý I/2016 trả: 2.900.000.000 đồng/kỳ; Quý II/2016 trả: 3.189.261.430 đồng. Quyền của bên cho vay: Xem xét, quyết định việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng P khi bên vay không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm các cam kết, nghĩa vụ với bên cho vay theo hợp đồng này và hợp đồng bảo đảm tiền vay. Nghĩa vụ của bên vay: Cung cấp cho bên cho vay báo cáo, thông tin, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của bên cho vay; báo cáo tài chính định kỳ hàng năm đã được kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp của báo cáo, thông tin, số liệu, tài liệu đã cung cấp cho bên cho vay trong suốt quá trình vay vốn và trả nợ của dự án. Phối hợp với bên cho vay để kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, tài sản bảo đảm tiền vay tại địa

điểm mà bên cho vay yêu cầu. Cung cấp đầy đủ thông tin và những nội dung khác có liên quan theo yêu cầu của bên cho vay; Mua bảo hiểm vật chất cho tài sản bảo đảm trong suốt thời gian vay vốn của dự án với giá trị tham gia bảo hiểm tối thiểu là 100% giá trị của tài sản theo quy định. Bảo hiểm tài sản được mua tại doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín trên thị trường do hai bên thoả thuận, trường hợp hai bên không thoả thuận được thì bên vay thực hiện việc mua bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm theo chỉ định của bên cho vay. Đồng thời, bên vay giao bản gốc các giấy tờ về bảo hiểm tài sản và chuyển quyền thụ hưởng tiền bảo hiểm cho bên cho vay để bên cho vay thu nợ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cam kết của bên vay: Trường hợp dự án phát huy hiệu quả cao hơn, bên vay sẽ tăng mức trả nợ gốc, đảm bảo mức trả nợ với việc trích khấu hao và lợi nhuận của dự án.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 18E/2014/HĐTDĐT-SD-NHPT ngày 31/12/2014, nội dung sửa đổi, bổ sung như sau: Thời hạn cho vay: 15 năm kể từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên; Thời hạn ân hạn: 12 tháng kể từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên; Thời hạn trả nợ gốc: 168 tháng; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Sau 12 tháng kể từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên; Đối với số dư nợ tại thời điểm 30/9/2014 là 35.749.615.230 đồng, kể từ quý IV/2014 bên vay phải trả theo mức trả nợ mỗi kỳ hạn như sau: Quý IV/2014 trả: 0 đồng; Từ quý I/2015 đến quý IV/2015 mỗi quý trả: 300.000.000 đồng; Từ quý I/2016 đến quý IV/2017 mỗi quý trả: 500.000.000 đồng; Từ quý I/2018 đến quý IV/2018 mỗi quý trả: 1.000.000.000 đồng; Từ quý I/2019 đến quý III/2023 mỗi quý trả: 1.327.000.000 đồng; Quý IV/2023 trả: 1.336.615.230 đồng. Trả nợ lãi: Số lãi phải trả nhưng chưa trả đến ngày 30/9/2014 là 16.780.836.472 đồng (bao gồm lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2013 là 1.817.669.254 đồng, lãi đến hạn trả chưa trả đến ngày 30/9/2014 còn lại là 14.963.167.218 đồng), bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2016 đến quý IV/2016 mỗi quý trả: 300.000.000 đồng; Từ quý I/2017 đến quý III/2023 mỗi quý trả: 500.000.000 đồng; Quý IV/2023 trả: 2.080.836.472 đồng (trong đó lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2013 là 1.817.669.254 đồng). Lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi (theo bảng kê tính lãi): Bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc. Nghĩa vụ của bên vay: Phải thông báo trước với bên cho vay và được bên cho vay chấp thuận bằng văn bản đối với các trường hợp sau: Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ liên lạc của bên vay; Thay đổi người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên góp vốn, Giám đốc, Kế toán trưởng/Trưởng phòng Kế toán; Thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của bên vay có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay cho bên cho vay; Thay đổi gây ảnh hưởng, đe dọa làm mất hoặc giảm giá trị tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản bảo đảm tiền vay;

Chủ trương tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản; Các thay đổi khác liên quan đến dự án và bên vay như: điều chỉnh dự án, thay đổi quy hoạch.. Bên vay phải thông báo ngay với bên cho vay khi xảy ra các sự kiện sau: Tranh chấp với các đối tượng khác, có nguy cơ bị khởi tố, khởi kiện; Quyết định đầu tư hoặc ký kết hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% vốn điều lệ. Bên vay chỉ được thực hiện việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu (nếu có) sau khi được bên cho vay chấp thuận bằng văn bản. Bên vay chỉ được chuyển giao tài sản cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên vay đối với bên vay sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nợ kèm theo biện pháp bảo đảm tiền vay theo đúng quy định hiện hành cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên vay và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên vay đối với bên vay đã nhận nợ đầy đủ với bên vay. Trường hợp bên vay không trả đầy đủ nợ vay (gốc và lãi) theo đúng Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa bên cho vay và bên vay, bên vay cam kết uỷ quyền không huỷ ngang cho bên cho vay được toàn quyền quyết định mọi phương án xử lý (kể cả phương án xử lý tài sản bảo đảm) của dự án để thu hồi nợ vay. Cam kết của bên vay: Trong trường hợp dự án phát huy hiệu quả cao hơn phương án cơ cấu nợ, bên vay cam kết sẽ tăng mức trả nợ gốc, lãi đảm bảo phù hợp với việc trích khấu hao và lợi nhuận của dự án.

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 18F/2015/HĐTĐĐT-SĐ-NHPT-TBI ngày 15/12/2015 với nội dung sửa đổi, bổ sung về mức trả nợ lãi như sau: Số lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2013 được xoá là 1.817.669.254 đồng; Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu bên cho vay hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định bên vay không đủ điều kiện được xoá số lãi phạt tính trên lãi chậm trả nêu trên thì bên cho vay sẽ thông báo bằng văn bản cho bên vay và bên vay có trách nhiệm thanh toán hoàn trả toàn bộ số tiền lãi mà bên vay không được xoá cho bên cho vay, kể cả khi bên cho vay và bên vay đã tắt toán hợp đồng tín dụng. Số lãi phải trả nhưng chưa trả (sau khi đã xoá số lãi phạt tính trên lãi chậm trả) tính đến ngày 30/9/2014 là 14.963.167.218 đồng, bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2016 đến quý IV/2016 mỗi quý trả: 300.000.000 đồng; Từ quý I/2017 đến quý III/2023 mỗi quý trả: 500.000.000 đồng; Quý IV/2023 trả: 263.167.218 đồng. Lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi (theo bảng kê tính lãi của bên cho vay), bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc.

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 18G/2016/HĐTĐĐT-SĐ-NHPT ngày 27/4/2016 với nội dung sửa đổi, bổ sung về thời hạn cho vay, mức trả nợ gốc, lãi như sau: Thời hạn cho vay: 16 năm kể từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên; Thời hạn ân hạn: 12 tháng kể từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc: 180 tháng; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Sau 12 tháng kể từ khi bên vay

nhận khoản vay đầu tiên; Kỳ hạn trả nợ: Theo quý (mỗi quý là một kỳ hạn trả nợ); Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 35.149.615.230 đồng, kể từ quý I/2016 bên vay phải trả theo mức trả nợ mỗi kỳ hạn như sau: Từ quý I/2016 đến quý IV/2017 mỗi quý trả: 200.000.000 đồng; Từ quý I/2018 đến quý IV/2018 mỗi quý trả: 375.000.000 đồng; Từ quý I/2019 đến quý III/2024 mỗi quý trả: 1.335.000.000 đồng; Quý IV/2024 (01 quý) trả: 1.344.615.230 đồng. Trả nợ lãi: Số lãi phải trả nhưng chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 16.950.364.670 đồng (bao gồm lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2015 là 1.131.053.892 đồng, lãi đến hạn trả chưa trả đến ngày 31/12/2015 còn lại là 15.819.310.778 đồng), bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2017 đến quý III/2024 mỗi quý trả: 495.000.000 đồng; Quý IV/2024 trả 1.605.364.670 đồng (trong đó lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2015 là 1.131.053.892 đồng). Lãi phát sinh thực tế từ quý I/2016 trở đi (theo bảng kê tính lãi của bên cho vay), bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc).

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008 nêu trên, Công ty Ph và Chi nhánh Ngân hàng P đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 04/6/2008; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88A/2013/PLHĐTCTS-NHPT ngày 28/6/2013 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 88B/2015/PLHĐTCTS-NHPT ngày 26/6/2015. Trong đó, tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, xã Ts (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh T (đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 05/5/2057) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BQ449754 ngày 12/01/2015 đứng tên Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph. Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008, Chi nhánh Ngân hàng P đã giải ngân thực tế cho Công ty Ph tổng cộng số tiền 50.241.261.430 đồng. Trong đó giải ngân lần 01 ngày 09/01/2009 số tiền là 33.909.910.000 đồng, giải ngân lần 02 ngày 06/3/2009 số tiền là 16.990.300.000 đồng, thoái giải ngân (giảm số tiền giải ngân) 02 lần với tổng số tiền là 658.948.570 đồng. Công ty Ph đã trả gốc và lãi cho Chi nhánh Ngân hàng P tổng cộng 38.647.560.178 đồng, trong đó nợ gốc là 19.625.230.282 đồng và tiền lãi là 19.022.329.896 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và trả lãi theo Hợp đồng tín dụng như sau:

- *Vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc*: Theo điểm a khoản 1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008, thời gian vay vốn là 90 tháng tính từ tháng 01/2009, thời gian ân hạn là 12 tháng, thời hạn trả nợ gốc là 78 tháng, kỳ hạn trả nợ theo quý (mỗi quý là một kỳ trả nợ), mức trả nợ 2.038.000.000 đồng /quý; quý cuối cùng trả 2.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ Công ty Ph đã không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết tại Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Các kỳ hạn trả nợ từ quý I/2010 đến quý II/2012 Công ty Ph không thực hiện trả nợ/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Đến tháng 6/2012, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho bên vay trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng P và Công ty Ph ký Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 18D/2012/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 29/6/2012 cơ cấu thay đổi lại mức trả nợ của các kỳ hạn: Từ quý III/2012 đến quý IV/2012 trả 750.000.000 đồng/kỳ; từ quý I/2013 đến quý I/2016 trả 2.900.000.000 đồng/kỳ; quý II/2016 trả 3.189.261.430 đồng. Tuy nhiên, Công ty Ph không thực hiện trả nợ theo cam kết Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký, cụ thể: Các kỳ hạn trả nợ từ quý III/2012 đến quý III/2014 Công ty Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến tháng 12/2014, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty Ph trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng P đã cơ cấu lại mức trả nợ và hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 18E/2014/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 31/12/2014, theo đó kéo dài thời hạn cho vay từ 90 tháng lên 180 tháng, thay đổi lại mức trả nợ của các kỳ hạn: Từ quý I/2015 đến quý IV/2015 mỗi quý trả 300.000.000 đồng; từ quý I/2016 đến quý IV/2017 mỗi quý trả 500.000.000 đồng; từ quý I/2018 đến quý IV/2018 mỗi quý trả 1.000.000.000 đồng; từ quý I/2019 đến quý III/2023 mỗi quý trả 1.327.000.000 đồng; quý IV/2023 trả 1.336.615.230 đồng. Tuy nhiên các kỳ hạn trả nợ từ quý I/2015 đến quý IV/2015 Công ty Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký.

Đến tháng 12/2015, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty Ph trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng P đã cơ cấu lại mức trả nợ và ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 18G/2016/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 27/4/2016, kéo dài thời hạn cho vay từ 180 tháng lên 192 tháng, thay đổi lại mức trả nợ gốc của các kỳ hạn, cụ thể: Từ quý I/2016 đến quý IV/2017 mỗi quý trả 200.000.000 đồng; từ quý I/2018 đến quý IV/2018 mỗi quý trả 375.000.000 đồng; từ quý I/2019 đến quý III/2024 mỗi quý trả 1.335.000.000 đồng; quý IV/2024 (01 quý) trả 1.344.615.230 đồng. Tuy nhiên, từ quý IV/2018 đến nay Công ty Ph đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cam kết tại Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký.

- *Vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi*: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 04/6/2008, Công ty Ph phải trả lãi đầy đủ hàng quý kể từ khi nhận tiền vay (tháng 01/2009). Tuy nhiên, Công ty Ph không thực hiện/thực hiện không đầy đủ trả lãi theo đúng lịch trả nợ của các kỳ hạn trả nợ từ quý III/2010 đến quý III/2014. Đến tháng 12/2014 để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty Ph trả nợ vay, Chi nhánh Ngân hàng P đã phân bổ số lãi phải trả nhưng chưa trả đến ngày 30/9/2014 là 16.780.836.472 đồng bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2016 đến quý IV/2016 mỗi quý trả 300.000.000 đồng; từ quý I/2017 đến quý III/2023 mỗi quý trả 500.000.000 đồng; quý IV/2023 trả 2.080.836.472 đồng. Lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi (theo bảng kê tính lãi) bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc. Tuy nhiên, Công ty Ph đã không thực hiện trả lãi theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký, cụ thể: Đối với lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi (theo bảng kê tính lãi): Từ quý I/2015 đến quý IV/2015 Công ty Ph không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký.

Đến tháng 12/2015 để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty Ph trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng P đã xóa số lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2013 với số tiền là 1.817.669.254 đồng; Số lãi phải trả nhưng chưa trả (sau khi đã xóa số lãi phạt tính trên lãi chậm trả đến ngày 31/12/2013) tính đến ngày 30/9/2014 là 14.963.167.218 đồng, bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2016 đến quý IV/2016 mỗi quý trả: 300.000.000 đồng; Từ quý I/2017 đến quý III/2023 mỗi quý trả: 500.000.000 đồng; Quý IV/2023 trả: 263.167.218 đồng. Lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc. Tuy nhiên, Công ty Ph đã không thực hiện trả lãi theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung đã ký, cụ thể: Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả tính đến ngày 30/9/2014 là 14.963.167.218 đồng: Từ quý I/2016 đến nay, Công ty Ph không thực hiện trả lãi vay theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký; Đối với số lãi phát sinh thực tế từ quý IV/2014 trở đi: Từ quý I/2015 đến nay, Công ty Ph không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký. Đến tháng 04/2016 để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty Ph trả nợ vay, Chi nhánh Ngân hàng P đã phân bổ số lãi phải trả nhưng chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 16.950.364.670 đồng, bên vay phải trả như sau: Từ quý I/2017 đến quý III/2024 mỗi quý trả: 495.000.000 đồng; Quý IV/2024 trả 1.605.364.670 đồng. Lãi phát sinh thực tế từ quý I/2016 trở đi (theo bảng kê tính lãi của bên cho vay), bên vay phải trả theo quý cùng với kỳ hạn trả nợ gốc). Công ty Ph đã không thực hiện trả lãi theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung đã ký, cụ thể: Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 16.950.364.670

đồng: Từ quý I/2017 đến nay, Công ty Ph không thực hiện trả lãi vay theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung đã ký; Đối với số lãi phát sinh thực tế từ quý I/2016 đến nay (theo bảng kê tính lãi của bên cho vay) Công ty Ph không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Như vậy, tính đến ngày 07/5/2021 Công ty Ph còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 53.792.887.607 đồng. Nay Ngân hàng P yêu cầu Công ty Ph phải trả tổng số tiền nợ (gốc và lãi) tính đến ngày 07/5/2021 là 53.792.887.607 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.616.031.148 đồng, lãi phát sinh trên nợ gốc trong hạn là 15.691.931.560 đồng, lãi phát sinh trên nợ gốc quá hạn là 4.396.589.395 đồng, lãi phạt trên lãi chậm trả là 3.088.329.757 đồng. Việc tính lãi sau ngày 07/5/2021 tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTĐĐT ngày 04/6/2008 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung các bên đã ký kết. Trường hợp Công ty Ph không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng P có quyền áp dụng biện pháp xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án được xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện T, tỉnh T theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 04/6/2008; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88A/2013/PLHĐTCTS-NHPT ngày 28/6/2013; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 88B/2015/ PLHĐTCTS-NHPT ngày 26/6/2015 để thu hồi nợ.

** Theo nội dung văn bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, ông Phạm Trường G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vải địa kỹ thuật công suất 4.000 tấn/năm”, Công ty Ph đã ký kết Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước với Chi nhánh Ngân hàng P theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTĐĐT ngày 04/6/2008 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hai bên đã ký kết, đồng thời để bảo đảm cho khoản vay của dự án, Công ty Ph và Chi nhánh Ngân hàng P có ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 04/6/2008; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88A/2013/PLHĐTCTS-NHPT ngày 28/6/2013; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 88B/2015/PLHĐTCTS-NHPT ngày 26/6/2015 với nội dung: Tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án được xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 05/5/2057) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BQ449754 ngày 12/01/2015 đứng tên Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph như nguyên đơn trình bày là đúng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Ph đã được Chi nhánh Ngân hàng P giải ngân với tổng số tiền là 50.241.261.430 đồng, trong đó giải ngân lần 01 ngày 09/01/2009 số tiền là 33.909.910.000 đồng, lần 02 giải ngân ngày 06/3/2009 số tiền là 16.990.300.000 đồng, thoái giải ngân (giảm số tiền giải ngân) 02 lần với tổng số tiền là 658.948.570 đồng. Các lần giải ngân Công ty Ph đều ký khế ước nhận nợ với Ngân hàng. Công ty Ph đã trả cho Chi nhánh Ngân hàng P tổng cộng số tiền là 38.647.560.178 đồng, trong đó nợ gốc là 19.625.230.282 đồng và tiền lãi là 19.022.329.896 đồng, đến nay khoản nợ gốc và lãi còn lại bị đơn chưa trả được cho Ngân hàng bởi lý do sau:

Dự án xây dựng nhà máy sản xuất vải địa kỹ thuật của Công ty Ph hoàn thành đi vào hoạt động từ quý I năm 2009, bước đầu đạt hiệu quả và thực hiện trả nợ vay Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, đặc thù của sản phẩm đầu ra là vải địa kỹ thuật phục vụ ngành giao thông, xây dựng song do ảnh hưởng suy thoái của nền kinh tế nên thị trường đầu ra của sản phẩm gặp nhiều khó khăn, sản xuất hoạt động cầm chừng nên không phát huy được công suất thiết kế của dự án, có thời điểm hoạt động cầm chừng khoảng 30% - 50% công suất. Ngoài ra, còn bị thiệt hại tài sản do thiên tai (bão) nên hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn. Mặc dù dự án đã được Chi nhánh Ngân hàng P thực hiện các giải pháp tín dụng như: Cơ cấu nợ, gia hạn thời gian trả nợ, xóa lãi phạt. Nhưng Công ty Ph không trả được đầy đủ nợ (gốc và lãi vay) cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đầu tư và các hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung hai bên đã ký. Bị đơn thừa nhận tính đến ngày 07/5/2021, Công ty Ph còn nợ Ngân hàng P tổng cộng số tiền là 50.704.557.850 đồng, bao gồm nợ gốc là 30.616.031.148 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.691.937.307 đồng, lãi quá hạn là 4.396.589.395 đồng như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Còn đối với yêu cầu của nguyên đơn khoản lãi phạt trên lãi chậm trả (tính đến ngày 07/5/2021) số tiền 3.088.329.757 đồng, Công ty Ph không chấp nhận vì Ngân hàng tính lãi phạt trên lãi chậm trả là không đúng quy định của pháp luật. Do đó bị đơn chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/5/2021 là 50.704.557.850 đồng, tuy nhiên do điều kiện hiện gặp khó khăn chưa trả được. Trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ thì Công ty Ph đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp thu hồi nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử vụ án, Thẩm phán đã xác định chủ thể quan hệ pháp luật và tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do Công ty Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đầu tư đã ký kết với Chi nhánh Ngân hàng P nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 292, 295, 298, 299, 318, 319, 320, 323; 463; 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Ph phải trả nợ cho Ngân hàng P tính đến ngày 07/5/2021 tổng cộng số tiền là 50.704.557.850 đồng. Trong đó nợ gốc: 30.616.031.148 đồng, lãi trong hạn: 15.691.937.307 đồng, lãi quá hạn: 4.396.589.395 đồng. Nếu Công ty Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án được xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện T, tỉnh T khu đất của dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BQ449754 ngày 12/01/2015 để thu hồi nợ. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P về khoản lãi phạt trên lãi chậm trả đến ngày 07/5/2021 là 3.088.329.757 đồng. Các đương sự phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph trả nợ tiền gốc và lãi phát sinh còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 04/6/2008. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh

ng nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/6/2017, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph, mã số doanh nghiệp: 0303962172, trụ sở tại Lô A1, khu công nghiệp khí mỏ T, xã Ts (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh T. Tại Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 18C/2011/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 26/12/2011, tại khoản 2 Điều 13 “..Các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này được các bên giải quyết bằng thương lượng... Trường hợp các bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nơi bên cho vay đặt trụ sở”. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tổng cộng số tiền là 53.792.887.607 đồng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng P hoạt động các lĩnh vực theo quyết định thành lập số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng chính phủ; Chi nhánh Ngân hàng P hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được ủy quyền của Ngân hàng P tại Quyết định số 03/QĐ-NHPT ngày 01/7/2006 của Tổng giám đốc Ngân hàng P về thành lập Chi nhánh Ngân hàng phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công ty Ph là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam có nhu cầu vốn để đầu tư dự án kinh doanh. Do đó Chi nhánh Ngân hàng P ký kết hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008 là phù hợp với nội dung và hình thức của hợp đồng quy định tại các Điều 117, 118, 119; 463; 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 122,123,124; 471; 474 Bộ luật Dân sự 2005) và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008, Chi nhánh Ngân hàng P đã giải ngân thực tế cho Công ty Ph tổng cộng số tiền là 50.241.261.430 đồng. Cụ thể ngày 09/01/2009 giải ngân là 33.909.910.000 đồng, ngày 06/3/2009 giải ngân là 16.990.300.000 đồng, thoái giải ngân số tiền là 658.948.570 đồng, đồng thời các lần giải ngân Công ty Ph đã ký khế ước nhận nợ với Chi nhánh Ngân hàng P. Theo đó Công ty Phú Hoàng có nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008 và các Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung (Số 18A/2009/HĐTDĐT-ĐC-TĐĐT ngày 06/01/2009 ; Phụ lục số

18B/2009/PLHĐ-NHPT ngày 11/5/2009 ; số 18B/2009/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 05/6/2009 ; số 18C/2011/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 26/12/2011; Số 18D/2012/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 29/6/2012; Số 18E/2014/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 31/12/2014; Số 18F/2015/HĐTDĐT-SĐ-NHPT-TBI ngày 15/12/2015; Số 18G/2016/HĐTDĐT-SĐ-NHPT ngày 27/4/2016 là phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và trả nợ gốc khi hết thời hạn cho vay.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã cơ cấu lại thời hạn trả, mức trả nợ và giảm lãi suất bằng việc hai bên ký phụ lục hợp đồng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung tạo điều kiện cho bên vay trả nợ, song do kinh doanh gặp khó khăn nên Công ty Ph mới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 19.625.230.282 đồng, trả nợ lãi 19.022.329.896 đồng, tổng cộng là 38.647.560.178 đồng, bị đơn thừa nhận số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh Công ty Ph không trả đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Như vậy Công ty Ph đã vi phạm các thỏa thuận thanh toán tại Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008, phụ lục hợp đồng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung nêu trên, Do đó Ngân hàng P yêu cầu Công ty Ph tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/5/2021) phải trả số tiền là 50.704.557.850 đồng. Trong đó nợ gốc: 30.616.031.148 đồng, lãi trong hạn: 15.691.937.307 đồng, lãi quá hạn: 4.396.589.395 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản lãi phạt trên lãi chậm trả (tính đến ngày 07/5/2021) là 3.088.329.757 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng”. Tại văn bản số 1334/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010, Ngân hàng nhà nước hướng dẫn về việc phạt chậm trả đối trường hợp nợ quá hạn như sau: “Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, theo đó mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng áp dụng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay. Ngoài ra không có quy định nào cho phép phạt lãi nhiều lần (lãi chồng lãi) về cùng một vi phạm trong hợp đồng về tín dụng. Do vậy thỏa thuận của các

bên về việc tính lãi trên lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 18/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 04/6/2008 là trái pháp luật. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi phạt trên lãi chậm trả (tính đến ngày 07/5/2021) số tiền 3.088.329.757 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, buộc Công ty Ph có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng P đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/5/2021) tổng cộng số tiền là 50.704.557.850 đồng (gồm nợ gốc: 30.616.031.148 đồng, lãi trong hạn: 15.691.937.307 đồng, lãi quá hạn: 4.396.589.395 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Ph phải tiếp tục trả lãi suất quá hạn đối với số nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty Ph vay của Chi nhánh Ngân hàng P số tiền 50.241.261.430 đồng mục đích để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vải địa kỹ thuật công suất 4.000 tấn/năm”, theo hợp đồng tín dụng số 18/2008/HĐTDĐT ngày 04/6/2008 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung như phân tích trên. Để bảo đảm cho khoản vay Công ty Ph và Chi nhánh Ngân hàng P đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 04/6/2008, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88A/2013/PLHĐTCTS-NHPT ngày 28/6/2013; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 88B/2015/PLHĐTCTS-NHPT ngày 26/6/2015 với các nội dung: Tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án được xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 05/5/2057) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BQ449754 ngày 12/01/2015 đứng tên Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph. Các hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy từ khi đăng ký thế chấp đến nay tài sản này vẫn còn nguyên trạng, không thay đổi gì khác. Đại diện cho bị đơn thừa nhận toàn bộ tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTDĐT ngày 04/6/2008 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung giữa Công ty Ph với Chi nhánh Ngân hàng P và cũng đồng ý xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp nếu Công ty Ph không trả được nợ cho Ngân hàng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm

trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể là: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times (50.704.557.850 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 158.704.557 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể là: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (3.088.329.757 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 93.766.580 \text{ đồng}$. Đối trừ số tiền 80.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000089 ngày 05/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, Ngân hàng P còn phải nộp tiếp số tiền 13.766.580 đồng.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, 119, 292, 295, 298, 299, 318, 319, 320, 323; 463; 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/5/2021) phải trả cho Ngân hàng P số tiền là 50.704.557.850 đồng (Năm mươi tỷ, bảy trăm linh tư triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng); Trong đó số tiền nợ gốc là 30.616.031.148 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.691.937.307 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.396.589.395 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (08/5/2021) của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng P thì lãi suất mà Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch

vụ Ph phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng P theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng P.

Trong trường hợp Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 18/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 04/6/2008 thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 04/6/2008 được công chứng tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Thái Bình ngày 09/6/2008, đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Sở tài nguyên và Môi trường Thái Bình ngày 08/01/2009; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 88A/2013/PLHĐTCTS-NHPT ngày 28/6/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Thái Bình ngày 10/7/2013, giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/7/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội; Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 88B/2015/PLHĐTCTS-NHPT ngày 26/6/2015 được công chứng tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Thái Bình ngày 26/6/2015, được đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 26/6/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Bình. Tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà xưởng, các công trình phụ trợ và dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất vải địa kỹ thuật của dự án xây dựng trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 36.142,4m² tại Khu công nghiệp khí mỏ T, thị trấn T, huyện Tiến Hải, tỉnh T (đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 05/5/2057) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BQ449754 ngày 12/01/2015 đứng tên Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng P cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Xử bác yêu cầu của nguyên đơn (Ngân hàng P) về yêu cầu bị đơn trả số tiền 3.088.329.757 đồng lãi phạt trên lãi chậm trả tính đến ngày 07/5/2021.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph phải nộp số tiền án phí là 158.704.557 đồng (một trăm năm tám triệu, bảy trăm linh bốn nghìn năm trăm năm bảy đồng).

3.2. Ngân hàng P phải nộp án phí (về yêu cầu không được Tòa án chấp nhận) số tiền là 93.766.580 đồng. Đối trừ số tiền 80.000.000 đồng Ngân hàng P đã nộp tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0000089 ngày 05/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Thái Bình), Ngân hàng P còn phải nộp thêm số tiền 13.766.580 (Mười ba triệu bảy trăm sáu sáu nghìn năm trăm tám mươi) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự (Ngân hàng P và Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Ph) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/5/2021.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình.
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn